TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30-3 - 2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Yâo Bkrông, ông Lê Khắc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST – HNGĐ ngày 10/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nông Văn H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Ea, xã C, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2025, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nông Văn H trình bày:*

Ông H và bà Hoàng Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/1996 tại UBND xã Cư Yang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thương xuyên cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng

ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, ông H yêu cầu Toà án giải quyết cho ông H được ly hôn bà Hoàng Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà Hoàng Thị T có 03 con chung là Nông Thị T, sinh năm 1997; Nông Văn T, sinh năm 1997 và Nông Văn D, sinh năm 2006. Các con chung hiện nay đã đủ 18 tuổi nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng bà Hoàng Thị T vắng mặt nên không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân Khu vực 7 – Đắk Lắk quyết định đưa vụ án ra xét xử.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 71 BLDS năm 2015.

- Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định nhưng đã không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 và Điều 72 BLTTDS năm 2015.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX), thư ký tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nông Văn H được ly hôn bà Hoàng Thị T.

Về con chung: Các con chung Nông Thị T, sinh năm 1997; Nông Văn T, sinh năm 1997 và Nông Văn D, sinh năm 2006. Các con chung hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nông Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Hoàng Thị T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, đây là yêu cầu "Ly hôn". Bị đơn hiện đang cư trú tại xã Cư Yang, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk.

Bà Hoàng Thị T là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng bà T vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị T.

Ông Nông Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nông Văn H.

[2] Về hôn nhân: Ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/5/1996 tại UBND xã Cư Yang, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Qua lời trình bày của ông H, cũng như qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, ông H yêu cầu Toà án giải quyết cho ông H được ly hôn bà Hoàng Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần động viên ông H về đoàn tụ cùng bà T nhưng không thành, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn bà Hoàng Thị T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xử cho ông Nông Văn H được ly hôn bà Hoàng Thị T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và bà T có 03 con chung Nông Thị T, sinh năm 1997; Nông Văn T, sinh năm 1997 và Nông Văn D, sinh năm 2006, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nông Văn H phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nông Văn H.

- Quan hệ về hôn nhân: Xử cho ông Nông Văn H được ly hôn bà Hoàng Thị T.

- Về con chung: Các con chung Nông Thị T, sinh năm 1997; Nông Văn T, sinh năm 1997 và Nông Văn D, sinh năm 2006, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nông Văn H và bà Hoàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nông Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Thanh Tâm nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004090 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã Cư Yang, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Cường Anh